

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUANG BÌNH  
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HS-ST  
Ngày 27 - 12 - 2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUANG BÌNH, TỈNH HÀ GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mai Hồng  
*Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông Trần Hữu Ước  
- Ông Nguyễn Ngọc Phan

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Hoàng Văn Thuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Quan Thị Tuyền - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2021/TLST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 12 năm 2021 đối với:

Bị cáo Đặng Tr, sinh năm 1986 tại huyện Q, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn H, xã N, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; Giấy CMND/CCCD: Không có; trình độ văn hoá: 0/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Ng và bà Xìn C; vợ con: Không; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 04/10/2021; có mặt.

***- Người bào chữa cho bị cáo:*** Bà Vương Thị H – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang; có mặt.

***- Bị hại:*** Anh Đặng T, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn H, xã N, huyện Q, tỉnh Hà Giang; có mặt.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*** Anh Đỗ M, sinh năm 1981, nơi cư trú: Thôn X, xã N, huyện Q, tỉnh Hà Giang; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 06/9/2021, khi Đặng Tr đi bộ đến nhà anh trai là Đặng T ở cùng thôn để mượn xe máy đi mua bóng điện thì thấy chiếc xe máy biển kiểm soát 23E1- ...34 để dưới gầm sàn, chìa khóa điện cầm sẵn ở ổ khóa còn gia đình anh

T không có ai ở nhà. Do trước đó anh T có nói với Tr lúc nào không có xe thì lấy xe của anh T làm phương tiện đi lại, nên Tr không hỏi mà lấy chiếc xe biển kiểm soát 23E1-...34, điều khiển xe ra trung tâm xã N cách khoảng 04 km, vào cửa hàng tạp hóa của anh Lý Chiêm S tại thôn X, xã N, huyện Q mua bóng điện, rồi đi ăn sáng uống rượu trong chợ. Ăn sáng xong do không đủ tiền trả, Đặng Tr nảy sinh ý định mang chiếc xe biển kiểm soát 23E1-...34 mượn của anh T đi cầm cố. Tr điều khiển xe đến cửa hàng của anh Đỗ M tại thôn X, xã N, huyện Quang Bình, hỏi vay anh M 500.000 đồng và để lại xe máy trên để làm tin. Tr nói với anh M xe máy cầm cố là của Tr nhưng để đăng ký xe ở nhà. Anh M đồng ý và đưa 500.000 đồng cho Tr. Tr nhận tiền, tiếp tục đi uống rượu, chi tiêu hết rồi lại đến vay thêm anh M hai lần với tổng số tiền là 2.000.000 đồng. Tr nhờ anh Tráng Văn L, trú tại thôn H, xã N dùng xe máy chở xuống thị trấn Y, huyện Q chơi. Tr ăn tiêu hết số tiền cầm cố xe rồi đi xe ôm về xã N vào sáng ngày 07/9/2021, vay thêm anh M 100.000 đồng để trả tiền xe ôm.

Anh Đặng T, sau khi biết Đặng Tr lấy chiếc xe biển kiểm soát 23E1-...34 đi cầm cố nên đã tố giác đến công an xã N, huyện Q. Tr biết anh T đã tố giác hành vi của mình, nhưng do đã chi tiêu hết số tiền cầm cố xe nên Tr không có khả năng trả lại chiếc xe máy này cho anh T. Anh Đỗ M sau khi biết chiếc xe máy nhận cầm cố không phải tài sản của Đặng Tr, đã giao nộp xe cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quang Bình; anh T đã được nhận lại xe máy này.

Theo Kết luận định giá số 431/KL-HĐĐG ngày 23/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Quang Bình thì giá trị còn lại của chiếc xe máy nhãn hiệu DETECH; loại WINF140C, biển kiểm soát 23E1-...34 là 9.500.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 24/CT-VKS ngày 16/11/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình đã truy tố Đặng Tr về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị tuyên bố bị cáo Đặng Tr phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 07 đến 09 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền do bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định; về dân sự, anh T đã được nhận lại xe máy nên không đề cập đến, buộc bị cáo trả anh M số tiền 2.600.000 đồng mà bị cáo đã cầm cố xe máy lấy tiền chi tiêu hết; miễn án phí cho bị cáo do bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có xin miễn án phí.

Người bào chữa cho bị cáo nhất trí về tội danh mà bị cáo bị truy tố. Bị cáo thuộc trường hợp phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên trình độ nhận thức cũng như hiểu biết pháp luật hạn

chế. Vì vậy, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 06 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung do bị cáo không có công việc cũng như thu nhập ổn định; miễn án phí cho bị cáo.

Bị cáo thừa nhận có các hành vi như cáo trạng đã nêu.

Anh Đặng T trình bày là đã được nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì nữa, đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Anh Đỗ M yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 2.600.000 đồng, là tiền bị cáo cầm cố chiếc xe máy chiếm đoạt của anh Đặng T mà có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo thừa nhận có các hành vi như cáo trạng đã nêu. Lời khai này phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

[3] Bị cáo vì muốn có tiền tiêu mà ngày 06/9/2021 đã cố ý đem cầm cố chiếc xe máy mượn của anh T có giá trị là 9.500.000 đồng, để lấy số tiền là 2.600.000 đồng chi tiêu cá nhân hết, dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản. Hành vi của bị cáo thể hiện việc coi thường pháp luật, gây mất trật tự trị an tại địa phương, đã xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại.

[4] Do đó, Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội. Hội đồng xét xử kết luận bị cáo phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt là cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

[5] Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo; bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ văn hóa không có, trình độ nhận thức cũng như hiểu biết pháp luật hạn chế; nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Do bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về dân sự: Cần buộc bị cáo trả lại cho anh Đỗ M số tiền 2.600.000 đồng mà bị cáo đã nhận từ anh M do cầm cố xe máy của anh T.

[8] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí, nên cho bị cáo được miễn án phí.

[9] Người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Về tội danh:** Tuyên bố bị cáo Đặng Tr phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

**Về hình phạt:** Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 175, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Tr 08 (tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam là ngày 04/10/2021.

**Về dân sự:** Bị cáo Đặng Tr phải trả cho anh Đỗ M số tiền là 2.600.000đ (hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 6, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, các điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch cho bị cáo.

**Về quyền kháng cáo:** Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án:** Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự, trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Mai Hồng**